

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 8 - 2021

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Kim Giang;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Vũ Thị Linh

2. Ông Nguyễn Thanh Minh

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên toà:**  
Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 164/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980;

Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư M, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương;

Nơi ở hiện nay: Khu dân cư K, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Khu dân cư M, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị H, anh V đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2021, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn V đăng ký kết hôn ngày 26/01/1998, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C (nay là phường T, thành phố C) trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống tại nhà đất của bố mẹ anh V ở khu dân cư M, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống vợ chồng

thường xảy ra bất hòa, cãi vã. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, không nói chuyện chia sẻ tình cảm được với nhau. Dẫn tới cuộc sống ngày càng buồn chán. Khoảng năm 2019, chị có nảy sinh tình cảm với người đàn ông khác, anh V và gia đình anh V biết chuyện đã đuổi chị ra khỏi nhà. Chị giải thích quan hệ giữa chị với người đàn ông kia chưa có gì vượt quá giới hạn nhưng anh V và gia đình anh V không nghe. Sau đó, chị bỏ về nhà bố mẹ để chị ở tại khu dân cư K, phường T. Vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau từ đó đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm và không thể về đoàn tụ được, do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn S, sinh ngày 23/12/1999 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 11/9/2003. Hiện tại, cháu S đã trưởng thành và tự lo được cuộc sống bản thân nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết. Đối với cháu H hiện đang ở với anh V, chị đề nghị giao cháu cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh V. Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/7/2021 và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, anh Nguyễn Văn V trình bày thống nhất các nội dung như chị H đã trình bày về điều kiện kết hôn và quá trình chung sống giữa anh và chị H. Anh xác định: Khoảng năm 2017, anh bị bệnh khớp háng, sức khỏe yếu, làm ăn khó khăn. Năm 2018, anh không đi lại được, phải nằm ở nhà. Khi đó, mọi người trong gia đình và hàng xóm có nói về việc chị H có biểu hiện không chung thủy với anh. Anh và gia đình đã khuyên bảo chị H thay đổi để lo cho chồng, con nhưng chị H không thay đổi. Dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng, cãi nhau. Khoảng giữa năm 2019, chị H bỏ về nhà bố mẹ để ở tại khu dân cư K, phường T. Anh có gọi điện khuyên chị H quay về nhưng chị H không về, do vậy, anh không liên lạc nữa. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị H xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì anh không muốn ảnh hưởng đến các con. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn S, sinh ngày 23/12/1999 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 11/9/2003. Hiện tại, cháu S đã trưởng thành và tự lo được cuộc sống bản thân nên anh không yêu cầu tòa án giải quyết. Đối với cháu H hiện đang ở với anh. Nếu ly hôn anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Về quan hệ tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Cháu Nguyễn Văn H là con chị H, anh V trình bày xác định: Quá trình chung sống, chị H và anh V thường hay xảy ra bất hòa, cãi nhau. Cháu hiện tại đang ở với anh V nên nếu chị H, anh V ly hôn quan điểm của cháu là mong muốn được tiếp tục ở

với anh V.

- Tại biên bản xác minh với trưởng khu dân cư M, phường T xác định: Khoảng năm 2018, 2019, chị H và anh V có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân cụ thể thế nào thì khu dân cư không nắm được. Sau đó, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở khu dân cư K, phường T. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị H xin ly hôn, quan điểm của địa phương là việc ly hôn và nuôi con thế nào đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị H, anh V vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn V. Về con chung: Xử giao con chung Nguyễn Văn H, sinh ngày 11/9/2003 cho anh Nguyễn Văn V tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh V. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này. Đối với con chung Nguyễn Văn S, sinh ngày 23/12/1999 đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn V cư trú tại: Khu dân cư M, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn anh V và đề nghị giải quyết về việc nuôi con chung, do vậy, đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh thụ lý giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn V kết hôn với nhau ngày 26/01/1998 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T). Do vậy, hôn nhân của chị H, anh V là hợp pháp. Từ năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống, không tin tưởng và không còn tình cảm với nhau. Giữa năm 2019, chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị H ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị H và anh V không ở cùng nhau, không tin tưởng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh V mặc dù không muốn ly hôn chị H, nhưng từ năm 2019 đến nay cũng không có biện pháp để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng mà bỏ mặc tình trạng mâu thuẫn. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị H xin ly hôn anh V.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn S, sinh ngày 23/12/1999 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 11/9/2003. Hiện tại, cháu S đã trưởng thành, khỏe mạnh và tự lo được cuộc sống bản thân nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

Đối với cháu H hiện đang do anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Cả chị H và anh V đều đề nghị giao cháu cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ý kiến của chị H, anh V phù hợp với ý kiến, nguyện vọng của cháu H cũng như điều kiện, hoàn cảnh hiện tại của các bên. Do vậy, cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận theo yêu cầu của chị H, anh V về việc giao con cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng mới đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Anh V không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh, đây là ý kiến tự nguyện của anh V, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Chị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị H, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Xử giao con chung Nguyễn Văn H, sinh ngày 11/9/2003 cho anh Nguyễn Văn V tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh V. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

Đối với con chung Nguyễn Văn S, sinh ngày 23/12/1999 đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị H đã nộp theo biên lai thu số: AA/2018/0002956 ngày 16/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường T (Để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Kim Giang**